

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số, Ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và dạy học năm học 2025- 2026

Căn cứ Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử của nhà trường; phần mềm chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của Lãnh đạo, quản lý nhà trường.

Trường PTDT NT THCS Buôn Hồ xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học năm 2025 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tiếp tục triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục một cách đồng bộ, liên thông, linh hoạt để phục vụ cho công tác quản lý và dạy học/giáo dục hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện thành công chuyển đổi số trong giáo dục;
- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi công chức, viên chức trong toàn ngành về tầm quan trọng của việc chuyển đổi số;
- Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý GDĐT dựa trên công nghệ và dữ liệu.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý

- Tiếp tục triển khai và ứng dụng có hiệu quả Cổng thông tin điện tử theo Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử của nhà trường; phần mềm chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của Lãnh đạo, quản lý nhà trường.

- Xây dựng, duy trì hệ thống họp trực tuyến tại phần mềm Microsoft teams, Google Meet đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến và điều hành công việc.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học/giáo dục

2.1. Phần mềm học bạ điện tử

- Triển khai phần mềm học bạ theo quy định của Bộ GDĐT, được kết nối với các cơ sở dữ liệu chung của nhà trường như điểm số, thông tin về học sinh, giáo viên, nhà trường, tuyển sinh..., thực hiện quản lý việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại, nhận xét kết quả giáo dục học sinh một cách chính xác.

- Học bạ điện tử có chức năng xem, sửa, ký số và thực hiện các thủ tục duyệt học bạ, nộp học bạ, rút học bạ, tuyển sinh, chuyển trường....

2.2. Phần mềm sổ đăng bộ điện tử, sổ liên lạc điện tử

- Sử dụng phần mềm sổ đăng bộ điện tử thay thế hoàn toàn cho sổ đăng bộ giấy, được dùng để ghi danh sách, thông tin cá nhân của học sinh nhập học theo khóa học được nhà trường lưu giữ không thời hạn.

2.3. Phần mềm quản lý học trực tuyến và thi trực tuyến

- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý học trực tuyến và thi trực tuyến với nhiều tính năng: kiểm duyệt nội dung, tài liệu do giáo viên đưa lên; theo dõi tình hình dạy/học của của giáo viên/học sinh; xây dựng và quản lý kho học liệu chung của đơn vị; xây dựng và quản lý ngân hàng câu hỏi, đề thi chung của đơn vị; tạo bài giảng, lịch dạy linh động, xây dựng tổ chức các bài kiểm tra; theo dõi tiến trình học và kết quả học của học sinh; học và làm bài tập, bài kiểm tra trực tuyến mọi lúc, mọi nơi; thảo luận trực tuyến với giáo viên và các học sinh khác...

- Hệ thống đảm bảo có các tính năng đáp ứng được các yêu cầu về quản lý và tổ chức dạy, học trực tuyến theo Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

2.4. Phần mềm giáo án/kế hoạch bài dạy điện tử

- Xây dựng, duy trì và nâng cao khả năng sử dụng đối với phần mềm giáo án/kế hoạch bài dạy điện tử kết nối kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tiếp và trực tuyến.

2.5. Kho học liệu số trực tuyến

- Xây dựng hệ thống học liệu trực tuyến (số hóa tài liệu, bài giảng..) kết nối với hệ thống học, thi online đồng thời đóng góp hỗ trợ học tập theo hình thức trực tiếp.

2.6. Phần mềm tuyển sinh trực tuyến

- Phần mềm cho phép học sinh, cha mẹ học sinh tra cứu thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh trực tuyến; giúp cho nhà trường, phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT quản lý tuyển sinh đầu cấp hằng năm một cách công bằng, khách quan, chính xác, thuận lợi và tiết kiệm thời gian.

2.7. Các ứng dụng CNTT khác

- Xây dựng các công cụ hỗ trợ kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh; ứng dụng sổ liên lạc điện tử, phần mềm tương tác với phụ huynh học sinh, ứng dụng mạng xã hội nhằm kết nối giữa phụ huynh học sinh với nhà trường.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng giáo dục

3.1. Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục

- Tiếp tục sử dụng và nâng cấp phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục

3.2. Phần mềm quản lý văn bằng, chứng chỉ

- Xây dựng CSDL quản lý văn bằng, chứng chỉ của nhà trường và phòng GD&ĐT thị xã, có kết nối với thông tin văn bằng chứng chỉ đã số hóa với Sở GD&ĐT Đắk Lắk để quản lý hồ sơ tốt nghiệp khoa học, lâu dài, công khai thông tin văn bằng, chứng chỉ giúp cho việc tra cứu trực tuyến, xác minh thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

- Phần mềm có các chức năng chính như: Cập nhật, tìm kiếm, thống kê số liệu quản lý một cách nhanh chóng, chính xác; hỗ trợ cung cấp đủ thông tin, tra cứu, văn bằng, chứng chỉ phục vụ nhu cầu thẩm định, xác minh ngăn chặn việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả.

3.3. Số hóa hồ sơ văn bằng, chứng chỉ

- Thông tin về văn bằng, chứng chỉ (hiện tại đang được lưu bằng bản giấy) sau khi được số hóa sẽ được cập nhật lên phần mềm quản lý văn bằng, chứng chỉ phục vụ cho việc tra cứu thuận tiện và lưu trữ lâu dài.

3.4. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành(CSDL)

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện CSDL ngành đảm bảo chính xác, có tính cập nhật, liên thông CSDL từ các phần mềm quản lý nhà trường lên hệ thống CSDL ngành để phục vụ hiệu quả cho công tác thống kê, báo cáo; cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý, dự báo và lập kế hoạch phát triển giáo dục vào đào tạo.

- Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng CBQL, GV, NV phụ trách CNTT để nâng cao năng lực cập nhật, sử dụng và chiết xuất báo cáo từ phần mềm;

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đội ngũ

4.1. Phần mềm đánh giá chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên (TEMIS)

- Phần mềm TEMIS phục vụ việc đánh giá và quản lý kết quả đánh giá giáo viên, đánh giá cán bộ quản lý giáo dục của các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT.

4.2. Phần mềm về bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên (LMS)

- Cung cấp hệ thống quản lý, hỗ trợ học tập trực tuyến cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong nội dung bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 và bồi dưỡng thường xuyên.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, tài sản

- Tiếp tục sử dụng và nâng cấp các phần mềm về kế toán, quản lý tài sản công, quản lý các chế độ chính sách; triển khai ứng dụng phần mềm thanh toán các khoản thu không dùng tiền mặt.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục; quản trị nhà trường.

- Cuối năm học ứng dụng CNTT trong đánh giá chuyển đổi số (VTI)

- Áp dụng CNTT trong việc sử dụng các hệ sinh thái để quản trị trường học, hướng tới xây dựng trường học thông minh, không giấy tờ.

III. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin

- Phát triển mạng lưới hạ tầng số: Triển khai mạnh mẽ hệ thống kết nối internet tốc độ cao, đảm bảo khả năng truy cập ổn định và đồng đều.

- Đầu tư thiết bị học tập số: Trang bị máy tính, máy tính bảng, hệ thống máy chiếu, bảng tương tác và các thiết bị dạy học trực tuyến.

- Xây dựng phòng học thông minh: Mô hình lớp học thông minh giúp tối ưu hóa quá trình dạy và học qua các công nghệ hỗ trợ giảng dạy hiện đại.

2. Phát triển nội dung và tài nguyên số

- Xây dựng học liệu điện tử: Thiết kế các chương trình giảng dạy số hóa, tích hợp với các nền tảng học tập trực tuyến để học sinh có thể truy cập và học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Thúc đẩy nguồn tài nguyên mở: Khuyến khích các giáo viên tham gia sáng tạo và chia sẻ tài liệu học tập, giáo án trực tuyến để tạo ra một nguồn tài nguyên mở, phong phú.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: Sử dụng AI để cá nhân hóa nội dung học tập, hỗ trợ đánh giá năng lực học sinh, và đưa ra các gợi ý học tập phù hợp.

3. Đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Nâng cao kỹ năng số cho giáo viên và cán bộ quản lý: Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, các phần mềm giảng dạy trực tuyến và ứng dụng số cho giáo viên.

- Xây dựng chương trình đào tạo số cho học sinh: Đưa các môn học về khoa học máy tính, lập trình, và công nghệ vào chương trình giảng dạy từ sớm để tạo nền tảng kỹ năng số cho học sinh.

- Tạo môi trường học tập số hóa: Khuyến khích giáo viên ứng dụng các công cụ trực tuyến như lớp học ảo, quản lý bài tập trực tuyến, tương tác với học sinh qua các nền tảng số.

4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ

- Tham mưu xây dựng khung pháp lý về chuyển đổi số: Ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về bảo mật, quyền riêng tư, và quản lý dữ liệu giáo dục khi thực hiện chuyển đổi số.

5. Phát triển nền tảng học tập trực tuyến và công cụ quản lý giáo dục

- Xây dựng nền tảng quản lý học tập (LMS): Cung cấp hệ thống quản lý học tập trực tuyến giúp giáo viên quản lý tiến độ học tập, chấm bài, theo dõi kết quả của học sinh một cách dễ dàng.

- Triển khai các hệ thống quản lý dữ liệu giáo dục: Tạo ra các cơ sở dữ liệu số về học sinh, sinh viên, giáo viên và các thông tin liên quan đến giáo dục để tăng cường quản lý và phân tích dữ liệu giáo dục.

- Ứng dụng công nghệ Blockchain trong quản lý bằng cấp và thành tích: Đảm bảo tính minh bạch, chính xác và bảo mật của hệ thống lưu trữ thông tin học tập, thành tích học sinh.

6. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ tiên tiến

- Thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR): Tích hợp các công nghệ VR, AR vào giảng dạy giúp học sinh trải nghiệm học tập thông qua các mô phỏng trực quan, sinh động.

- Dữ liệu lớn (Big Data) và phân tích học tập: Sử dụng dữ liệu lớn để phân tích hành vi học tập, từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ kịp thời nhằm cải thiện kết quả học tập.

- Trí tuệ nhân tạo (AI): Ứng dụng AI trong giảng dạy giúp tối ưu hóa quá trình học tập cá nhân hóa, đưa ra lộ trình học tập phù hợp với từng học sinh, hỗ trợ tự động hóa các công tác quản lý giáo dục.

7. Tăng cường nhận thức và khuyến khích học sinh, giáo viên tham gia

- Chiến dịch nâng cao nhận thức về chuyển đổi số: Tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị và chiến dịch truyền thông để nâng cao nhận thức của cộng đồng giáo dục về tầm quan trọng của chuyển đổi số.

- Khuyến khích và khen thưởng các sáng kiến số: Tạo ra các chương trình khen thưởng cho những sáng kiến về ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý giáo dục.

8. Giám sát và đánh giá hiệu quả chuyển đổi số

- Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá: Lập ra các tiêu chí cụ thể để đo lường hiệu quả của quá trình chuyển đổi số, từ đó điều chỉnh các chính sách và biện pháp khi cần thiết.

- Thu thập phản hồi từ giáo viên và học sinh: Tạo ra các kênh phản hồi để người sử dụng (giáo viên, học sinh) có thể đóng góp ý kiến nhằm cải tiến và tối ưu hóa hệ thống.

9. Xây dựng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin

- Duy trì và kết nối cáp quang internet tới 100%, sử dụng hệ thống internet của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel; Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT).

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học/giáo dục.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và trong dự toán năm 2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Lãnh đạo nhà trường

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học năm học 2025-2026; làm đầu mối để quản lý, cập nhật, triển khai và báo cáo tất cả các phần mềm, ứng dụng CNTT trong nhà trường.

- Bố trí kinh phí hàng năm để nâng cấp, tu sửa, bổ sung hệ thống CNTT, duy trì các phần mềm giáo dục trong nhà trường giúp quản lý công tác dạy và học và thực hiện thành công nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục;

- Triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các bộ phận, giáo viên, nhân viên về việc áp dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động dạy học, bồi dưỡng giáo viên, hồ sơ giáo viên và các ứng dụng khác liên quan; xây dựng, kiểm tra việc thực hiện các quy chế sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.

- Xây dựng, cập nhật và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành theo lĩnh vực được phân công.

2. Đối với các tổ, bộ phận, giáo viên và nhân viên

- Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học năm học 2025-2026 của nhà trường, các tổ, bộ phận, giáo viên và nhân viên triển khai thực hiện.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học năm học 2025-2026; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì khó khăn, vướng mắc trong công tác triển khai và thực hiện cần báo cáo kịp thời về BGH để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (báo cáo)
- CBQL, TCM, GV, NV
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Hữu Đề